

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HOÀ PHÚ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/QĐ-UBND

Hoà Phú, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận Hòa giải viên Tổ hòa giải

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀ PHÚ

- Căn cứ Điều 35 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;

Xét đề nghị của Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận các Ông (Bà) có tên sau đây là Hòa giải viên Tổ hòa giải của thôn, làng (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hòa giải viên Tổ hòa giải có chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê; Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, Ban nhân dân các thôn, làng và các Ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

(Quyết định này thay thế Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng Tư pháp huyện;
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Lưu VP-TP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÒA PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hòa Phú, ngày 22 tháng 4 năm 2024

DANH SÁCH TỔ VIÊN TỔ HÒA GIẢI

(Kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của UBND xã Hòa Phú)

STT	Họ Và Tên	Năm sinh		Địa bàn phụ trách thôn, làng	Dân tộc	Trình độ học vấn/Chuyên môn	Nhiệm vụ trong Tổ Hòa Giải	Ghi chú
		Nam	Nữ					
01	Dương Thị Nga		1966	Tổ Hòa giải Thôn 2	Kinh	12/12 (ĐH sư phạm)	Tổ trưởng	T.Trưởng
02	Đỗ Phụng RôBy	1964		Tổ Hòa giải Thôn 2	Kinh	10/12	Tổ viên	TBMT thôn
03	Ngô Nam	1963		Tổ Hòa giải Thôn 2	Kinh	7/12	Tổ viên	
04	Nguyễn Thị Xuân		1970	Tổ Hòa giải Thôn 2	Kinh	8/12	Tổ viên	
05	Vương Đức Chiến	1964		Tổ Hòa giải Thôn 2	Kinh	7/12	Tổ viên	
06	Huỳnh Văn Phước	1979		Tổ Hòa giải Thôn 3	Kinh	12/12 (Trung cấp luật)	Tổ trưởng	T.Trưởng
07	Đỗ Thành Linh	1975		Tổ Hòa giải Thôn 3	Kinh	5/12	Tổ viên	
08	Võ Văn Nại	1966		Tổ Hòa giải Thôn 3	Kinh	8/12	Tổ viên	
09	Nguyễn Văn Tám	1963		Tổ Hòa giải Thôn 3	Kinh	5/12	Tổ viên	
10	Đỗ Minh Luân	1963		Tổ Hòa giải Thôn 3	Kinh	7/12	Tổ viên	TBMT thôn
11	Nguyễn Định	1966		Tổ Hòa giải Thôn 4	Kinh	12/12	Tổ trưởng	T.Trưởng
12	Võ Phạm An Thoa		1976	Tổ Hòa giải Thôn 4	Kinh	8/12	Tổ viên	
13	Nguyễn Thị Thảo Trang		1980	Tổ Hòa giải Thôn 4	Kinh	9/12	Tổ viên	
14	Nguyễn Thanh Đức	1970		Tổ Hòa giải Thôn 4	Kinh	9/12	Tổ viên	
15	Nguyễn Ngọc Thắng	1947		Tổ Hòa giải Thôn 4	Kinh	9/12	Tổ viên	TBMT thôn
16	Rơ Châm Que	1985		Tổ Hòa giải Rova	Jrai	5/12	Tổ trưởng	T.Trưởng

17	Rơ Chăm AMêu	1988		Tổ Hòa giải Rova	Jrai	10/12	Tổ viên	
18	Rơ Chăm Byn	1986		Tổ Hòa giải Rova	Jrai	10/12	Tổ viên	
19	Rơ Chăm Lui	1954		Tổ Hòa giải Rova	Jrai	2/12	Tổ viên	Già làng
20	Rơ Chăm Nen		1991	Tổ Hòa giải Rova	Jrai	9/12	Tổ viên	TBMT làng
21	Rơ Chăm Khâu	1988		Tổ Hòa giải Bồi	Jrai	9/12	Tổ trưởng	T.Trưởng
22	Vũ Xuân Tuấn	1956		Tổ Hòa giải Bồi	Kinh	10/10	Tổ viên	
23	Rơ Chăm Hyao	1973		Tổ Hòa giải Bồi	Jrai	5/12	Tổ viên	TBMT làng
24	Rơ Chăm Baoh	1982		Tổ Hòa giải Bồi	Jrai	5/12	Tổ viên	
25	Rơ Chăm Thiu	1952		Tổ Hòa giải Bồi	Jrai	4/12	Tổ viên	Già làng
26	Rơ Chăm Khoan	1990		Tổ Hòa giải Hreng	Jrai	9/12	Tổ trưởng	T.Trưởng
27	Rơ Chăm Gun	1986		Tổ Hòa giải Hreng	Jrai	12/12	Tổ viên	TBMT làng
28	Rơ Chăm Beoh	1962		Tổ Hòa giải Hreng	Jrai	5/12	Tổ viên	
29	Siu MLen	1976		Tổ Hòa giải Hreng	Jrai	9/12	Tổ viên	
30	Rơ Chăm Nhing	1960		Tổ Hòa giải Hreng	Jrai	7/12	Tổ viên	Già làng

Tổng số Tổ hòa giải: 06. Tổng số: 30 người. Trong đó: Nam: 25 ; Nữ: 05

- Dân tộc: Kinh: 16; Jrai: 14 (Thay mới: 13)

- Trình độ học vấn: Cấp I: 09

Cấp II: 14

Cấp III: 09

- Độ tuổi:

Dưới 30: 02 người

Từ 30 đến dưới 45: 10 người

Từ 45 đến dưới 55: 05 người

Từ 55 tuổi trở lên: 13 người

Người Lập



Nguyễn Văn Đông